TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân:
1, Bà Nguyễn Thanh Thuỷ
2, Ông Nguyễn Kim Quyết
Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký TAND huyện Đ
Đại diện VKSND huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Đức Hoàng - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn H - sinh năm 1972
(có mặt tại phiên tòa)

+ Bị đơn: Chị Diệp Thị H1 - sinh năm 1974
(Có mặt tại phiên tòa)

Đều trú tại: Xóm C, xã N, huyện Đ, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 27/11/2020, biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Diệp Thị H1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992. Do cả hai tự nguyện chung sống với nhau và tin tưởng sẽ chung sống với nhau lâu dài nên cho đến nay vợ chồng vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hoà thuận cho đến mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, sống không chung thuỷ với nhau. Do đó, vợ chồng quyết định sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng

không thể quay lại chung sống với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H1 được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Văn C, sinh ngày 16/11/1993 và Hoàng Văn Đ, sinh ngày 20/8/1995. Cả hai con đều đã trưởng thành trên18 tuổi tuy nhiên cháu Đ bị khuyết tật, không thể tự lo cho bản thân nên anh H yêu cầu được nuôi cháu Đ và không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/12/2020, bị đơn chị Diệp Thị H1 có lời khai phù hợp với anh H về việc chung sống không đăng ký kết hôn, về tình cảm vợ chồng từ khi chung sống đến nay và về con chung, tài sản chung, nợ chung. Chị H1 cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng nên hoàn toàn nhất trí việc anh Hai xin ly hôn, chị không có yêu cầu gì. Tại phiên toà hôm nay, chị không có ý kiến gì bổ sung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị H1. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Văn Đ, sinh ngày 20/8/1995 (bị khuyết tật) cho anh Hoàng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét khi không có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: Không có. Án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.] **Về tố tụng**: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn có địa chỉ thường trú tại xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.] **Về nội dung**: Anh Hoàng Văn H và chị Diệp Thị H1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 cho đến nay vợ chồng vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hoà thuận cho đến mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H1 được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, thấy rằng, đây là trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

"*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".*

Căn cứ điều luật nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị H1.

Về con chung: Giao con chung là Hoàng Văn Đ, sinh ngày 20/8/1995 (bị khuyết tật) cho anh Hoàng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H1 do anh H không yêu cầu. Chị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Hai phải chịu án phí sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên

Quyết định:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn H và chị Diệp Thị H1.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Văn Đ, sinh ngày 20/8/1995 (bị khuyết tật) cho anh Hoàng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H1 do anh H không yêu cầu. Chị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do không yêu cầu.

Án phí: Anh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 02/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai số 0006537.

Anh H, chị H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi Cục THADS huyện Đ;-
Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quang Tuấn